

輔英科技大學高齡及長期照護事業系

115 學年度第 1 學期 國際產學專班-日二專班 1 年級(115 學年度入學生)課表

節次 / 時間	星期一 Thứ 2	星期二 Thứ 3	星期三 Thứ 4	星期四 Thứ 5	星期五 Thứ 6
第 1 節 08:25–09:15	2491 高齡學 Cao tuổi học 專業必修 2 劉一蓉 F202 教室	華語文輔導課 Phụ đạo tiếng Hoa 李伊婷講師 F608 教室	2490 長期照顧概論 Đại cương về chăm sóc d ài hạn 專業必修 2 楊月穎、程紋貞 F301 教室	2489 銀髮營養與健康膳食設計 Dinh dưỡng và thiết kế chế độ ăn lành mạnh cho người cao tuổi 專業必修 2 蕭勻茵 F301 教室	0110 華語文入門：閱讀練習 Tiếng Trung nhập môn: Môn đọc 基礎通識必修 2 蔡孟愉 F404 教室
第 2 節 09:25–10:15					
第 3 節 10:25–11:15	華語文輔導課 Phụ đạo tiếng Hoa 李伊婷 F608 教室	2493 照顧美學與服務禮儀 Thẩm mỹ trong chăm sóc và lễ nghỉ phục vụ 專業選修 2 唐士祥 F302 教室		2494 高齡體適能與健康促進 Thể chất và nâng cao sức khỏe người cao tuổi 專業選修 2 包怡芬 F301 教室	
第 4 節 11:25–12:15					
第 5 節 13:05–13:55	華語文輔導課 Phụ đạo tiếng Hoa 顏妤璇 F608 教室	1814 運動與健康(一) Thể dục (I) 黃泰盛老師 H201 教室	班週會時間 Sinh hoạt lớp	0112 華語文入門：閱讀練習 基礎通識必修 1 吳敏綺 F404 教室	2492 基本照顧實驗(一) Thực hành chăm sóc cơ bản (I) 專業必修 3 李彩綾、徐旭岑、游秋燕 F303 教室
第 6 節 14:05–14:55					
第 7 節 15:05–15:55	2488 身體結構與功能 Cấu trúc và chức năng cơ thể 專業必修 2 吳鴻順 F202 教室	0111 華語文入門：口語練習 Tiếng Trung nhập môn: Môn nói 基礎通識必修 1 顏妤璇 F404 教室		0113 華語文入門：書寫練習 Tiếng Trung nhập môn: Môn viết 基礎通識必修 1 吳敏綺 F404 教室	
第 8 節 16:05–16:55					

輔英科技大學高齡及長期照護事業系

115 學年度第 1 學期 國際產學專班-日二專班 2 年級(114 學年度入學生)課表

節次 / 時間	星期一	星期二	星期三	星期四	星期五
第 1 節 08:25–09:15				1731 長期照顧個案管理與實務 Quản lý và thực hành chăm sóc dài hạn 專業必修 2 陳曉琪 F408 教室	1730 高齡常見健康問題與照顧 Các vấn đề sức khỏe thường gặp ở người cao tuổi và chăm sóc 專業必修 2 徐旭岑 F302 教室
第 2 節 09:25–10:15					
第 3 節 10:25–11:15	0272 國際職場英文 Tiếng Anh trong môi trường làm việc quốc tế 基礎通識必修 2 蔡瑤 B207 教室	2413 基本照顧實驗(三) Thực hành chăm sóc cơ bản (III) 專業選修 3 游秋燕 F301 教室	2414 安寧照顧 Chăm sóc giảm nhẹ 專業選修 2 程紋貞 F202 教室	2411 口腔與吞嚥障礙照顧 Chăm sóc răng miệng và rối loạn nuốt 專業選修 2 馮明珠 F302 教室	2487 機構緊急與意外事件應變 Ứng phó tình huống khẩn cấp và sự cố tại cơ sở chăm sóc 專業選修 2 徐旭岑 F302 教室
第 4 節 11:25–12:15					
第 5 節 13:05–13:55	2410 高齡機能回復訓練 Phục hồi chức năng cho người cao tuổi 專業選修 2 吳鴻順 F202 教室		班遇會時間 Sinh hoạt lớp	2412 職場溝通與語言文化 Giao tiếp nơi làm việc và văn h óa ngôn ngữ 專業選修 2 吳美儀 F301 教室	2486 多元輔助療法 Các liệu pháp hỗ trợ đa dạng 專業選修 2 張原碩 B213 教室
第 6 節 14:05–14:55					
第 7 節 15:05–15:55					
第 8 節 16:05–16:55					